

**BẢNG TỔNG THỐNG KÊ THỪA ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT DO ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC  
KHU CÁT HẢI QUẢN LÝ**

| STT  | Số hiệu thửa         | Tờ bản đồ số | Loại đất | Diện tích (m2) | Ghi chú |
|------|----------------------|--------------|----------|----------------|---------|
| 1    | Một phần thửa số 1   | 108          | DGT      | 8,8            |         |
| 2    | Một phần thửa số 107 | 109          | DGT      | 9,6            |         |
| 3    | 102                  | 110          | DGT      | 1.085,9        |         |
| 4    | Một phần thửa số 102 | 184          | DGT      | 65,3           |         |
| 5    | 106                  | 184          | DGT      | 44,8           |         |
| 6    | 107                  | 184          | DGT      | 265,7          |         |
| 7    | 108                  | 184          | DGT      | 138,9          |         |
| 8    | 1                    | 356          | MCS      | 2.091,1        |         |
| 9    | Một phần thửa số 2   | 356          | DTL      | 633,5          |         |
| 10   | Một phần thửa số 1   | 353          | DTL      | 5.062,5        |         |
| TỔNG |                      |              |          | 9.406,1        |         |